

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ K  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày: 28 - 02 – 2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Châu Hùng;

2. Ông Nguyễn Thanh Phương.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/TB-TA ngày 16/02/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1987; quê quán: TC, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã TC, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Võ Thị B, sinh năm 1952; chồng tên Nguyễn Văn V (chết); có 01 người con sinh năm 2011; anh chị em có 04 người, bị cáo là người cuối cùng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01-12-2022 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố K; đến ngày 02-12-2022 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02-12-2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Chau Kh, sinh năm 1982, nơi cư trú: tổ 10, khóm TH, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**Người làm chứng:** La Thị C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25-6-2022, Nguyễn Thị Bích T đến quán cà phê “Năm Ly” thuộc khu vực tổ 10, khóm TH, phường V, thành phố K để uống nước. Khi đi ngang quầy tính tiền thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung A03S của Chau Kh (chủ quán) để trên bàn nên T nảy sinh ý định lấy trộm. Quan sát xung quanh không có người T lén lút lấy trộm điện thoại sau đó đi bộ đến Khu đô thị mới thành phố K, tháo bỏ sim, cất giấu điện thoại vào trong đám cỏ rồi quay lại khu vực quán cà phê “Năm Ly” bị Chau Kh và La Thị C (chị vợ Chau Kh) phát hiện, trình báo Cơ quan công an. Qua làm việc, T thừa nhận hành vi phạm tội, giao nộp điện thoại, riêng sim điện thoại không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A03S, màu đen, Ram 4Gb, Rom 64Gb (đã trao trả cho bị hại Chau Kh).

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 370/KL-ĐG ngày 07-7-2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A03S, màu đen, Ram 4Gb, Rom 64Gb, trị giá 2.200.000 đồng.

Ngày 25-10-2022, Cơ quan điều tra Công an thành phố K khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh tạm giam đối với Nguyễn Thị Bích T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 02-12-2022 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Cáo trạng số 12/CT-VKSCĐ-HS ngày 18-01-2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Nguyễn Thị Bích T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Nguyễn Thị Bích T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo khai nhận do cần tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi lấy trộm điện thoại của Chau Kh, thống nhất với kết luận định giá, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của kiểm sát viên và trong lời nói sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo nội dung cáo trạng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội là phụ nữ có thai; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhận thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng, có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo đang mang thai. Trong thời gian tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, quy định địa phương, không phạm tội hoặc vi phạm nào khác. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của địa phương cũng đủ nghiêm, phù hợp chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường L, thị xã TC, tỉnh An Giang giám sát giáo dục và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian bị cáo thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03S đã trả lại cho bị hại nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng,*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại ông Chau Kh; người làm chứng La Thị C vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

*Về nội dung:*

### [3] Hành vi phạm tội

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên khoảng 17 giờ ngày 25-6-2022, khi đến uống nước tại quán cà phê “Năm Ly” thuộc khu vực tổ 10, khóm TH, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung A03S của Chau Kh, sau đó đem đi cất giấu trong đám cỏ tại Khu đô thị mới thành phố K. Khi quay lại khu vực quán cà phê thì bị Chau Kh và chị vợ La Thị C phát hiện trình báo Cơ quan công an.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: các biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường ngày 02-12-2022 do Cơ quan điều tra Công an thành phố K lập; lời khai của bị hại, người làm chứng và kết luận định giá tài sản số 370/KL-ĐG ngày 07-7-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của ông Chau Kh trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03S, giá trị tài sản theo kết luận định giá tài sản là 2.200.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động vì muốn có tiền để sử dụng ma túy nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung

### [4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng; người phạm tội là phụ nữ có thai; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế được quy định tại các điểm i, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, quy định địa phương, không phạm tội hoặc vi phạm nào khác và hiện đang mang thai nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa tội phạm và cũng phù hợp chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03S, màu đen. Ram 4Gb, Rom 64Gb đã trả lại cho bị hại là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên không đề cập xử lý lại.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hình sự và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐT ngày 15-5-2018 và Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.*

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị Bích T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích T 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Thời gian thử thách của bị cáo là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 28-02-2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích T cho Ủy ban nhân dân phường L, thị xã TC, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thành phố (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Ngọc**

